

Bản án số: 24/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 28/7/2022

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: ông **Đặng Viết Côi** và bà **Nguyễn Thị Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:
Ông **Trịnh Minh Sỹ** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST – HNGĐ ngày 08/7/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị **Hồ Thị T** – sinh năm 1986

HKTT: thôn CD, xã ĐC, huyện KB, tỉnh Hà Nam (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh **Lê Văn T1** – sinh năm 1984 (Vắng mặt)

HKTT: thôn TV, xã ĐB, huyện UH, TP. Hà Nội.

***Người làm chứng:** Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1952 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn TV, xã ĐB, huyện UH, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai bà **Hồ Thị T** là nguyên đơn trình bày: Về tình cảm: Chị kết hôn với anh **Lê Văn T1** – sinh năm 1984. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐB, năm 2007.

Quá trình chung vợ chồng chung sống vợ chồng hòa thuận được vài tháng đầu. Sau đó, chị phát hiện anh **T1** nghiện ma túy, chơi bời cờ bạc, gái gú rồi về đánh đập chị. Chị đã cố gắng chịu đựng bỏ qua và khuyên can anh nhưng anh không thay đổi. Cuộc sống chung mệt mỏi, áp lực nên năm 2009 chị bỏ về nhà đẻ ở. Thời

gian chị về nhà để không ai liên lạc gì với ai. Năm 2010, chị bị tai nạn anh T1 và gia đình cũng không hỏi han, quan tâm gì. Đến khoảng năm 2013, anh T1 bị đi tù, chị có nộp đơn ly hôn một lần tại Tòa án nhưng chị lại xin rút đơn vì nghĩ cho anh T1 thêm cơ hội và cho bản thân có thời gian suy nghĩ lại. Nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có gì thay đổi, anh chị không có bất kỳ liên lạc nào từ khi năm 2013 cho đến nay. Tính đến nay, anh chị đã ly thân được 13 năm, không ai quan tâm đến ai, mỗi người một cuộc sống. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn. Mong Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: không có gì, không đề nghị Tòa giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Tuy nhiên, anh T1 vẫn không đến Tòa án làm việc do đó không có quan điểm trình bày.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng: bà Nguyễn Thị Hát là mẹ đẻ của anh T1 trình bày: Sau khi anh T1 và chị T kết hôn thì anh chị ở cùng với gia đình ông bà được khoảng 01 tháng thì anh chị xin về quê ở ĐC để làm ăn kinh tế. Nhưng được vài tháng thì anh chị cãi nhau, anh T1 về TV, ĐB sống, còn chị T vẫn ở ĐC, vài tháng sau chị T lại về nhà bà ở. Cuộc sống chung của anh T1 chị T, bà nhận thấy không hạnh phúc vì thường xuyên va chạm, cãi vã, mỗi lần như thế thì chị T lại bỏ nhà đi, đi vài hôm chán lại về. Đến khoảng năm 2008, sau khi vợ chồng cãi nhau, chị T bỏ nhà đi về quê để ở và từ đó không về nhà bà nữa. Gia đình bà cũng có xuống khuyên bảo, hàn gắn cho hai vợ chồng nhưng chị T không về. Từ đó, gia đình bà không xuống nữa và anh T1, chị T sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh T1, bà đã giao luôn cho anh T1. Tuy nhiên, anh T1 có quan điểm vợ chồng ly thân hơn chục năm nay, anh chị không có gì liên quan đến nhau nên việc chị T làm đơn ly hôn với anh là việc của chị, anh không lên Tòa làm việc. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã ĐB xác định: chị Hồ Thị T và anh Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐB, ngày 03/4/2007. Sau khi kết hôn, cuộc sống của anh chị không có điều tiếng gì. Đến khoảng năm 2009, anh T1 và chị T phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân cụ thể là gì địa phương không nắm rõ; cũng từ thời điểm này, địa phương không thấy chị T sống cùng anh T1 và không sống ở địa phương mà về Hà Nam sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống chung, anh chị không có con chung, không có tranh chấp gì về dân sự. Quan điểm của địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Tại phiên toà, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Anh T1 vắng mặt không có lý do,

mặc dù đã được Tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã trong hồ sơ vụ án và thêm tra tài liệu Tòa vụ căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các thành viên Hội đồng xét xử như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Hồ Thị T đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Lê Văn T1 đến tòa án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, sau kết hôn anh chị về chung sống một nhà cùng gia đình anh T1. Tuy nhiên, cuộc sống chung không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã dẫn đến sống ly thân. Trong thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm đến ai thì chị T nộp đơn xin ly hôn với anh T1. Xét thấy cuộc sống giữa chị T và anh T1 không có hạnh phúc, sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: không có con chung. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ: Chị T khai không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết; anh T1 không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu gì thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 §100 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T1;
2. Về con chung: Chị Hồ Thị T và anh Lê Văn T1 không có con chung.
3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị T xác nhận không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này anh T1 có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.
4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Biên lai thu số 0057370 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS Ứng Hòa;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa